**Tìm hiểu Luật Trách nhiệm bồi thường của**

**Nhà nước năm 2017**

  Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017 được Quốc hội thông qua ngày 20/6/2017, thay thế cho Luật TNBTCNN năm 2009, Luật gồm: 9 chương, 78 Điều. Với mục tiêu hoàn thiện cơ bản khuôn khổ pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, phù hợp với Hiến pháp năm 2013, đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành; thiết lập cơ chế pháp lý minh bạch, khả thi để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức bị thiệt hại và quyền, lợi ích của Nhà nước; từng bước nâng cao trách nhiệm của người thi hành công vụ, hiệu lực, hiệu quả nền công vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và hội nhập quốc tế.



**I. Nội dung cơ bản của Luật**

**1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng được bồi thường (Điều 1 và Điều 2)**

Kế thừa Luật năm 2009, Luật năm 2017 tiếp tục quy định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đối với cá nhân, tổ chức bị thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án; thiệt hại được bồi thường; quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức bị thiệt hại; cơ quan giải quyết bồi thường; thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường; phục hồi danh dự; kinh phí bồi thường; trách nhiệm hoàn trả; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong công tác bồi thường nhà nước (Điều 1).

Đối tượng được bồi thường, gồm: cá nhân, tổ chức bị thiệt hại về vật chất, thiệt hại về tinh thần do người thi hành công vụ gây ra thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (Điều 2).

**2. Về nguyên tắc bồi thường của Nhà nước (Điều 4)**

Về cơ bản, nguyên tắc bồi thường của Nhà nước được kế thừa như quy định của luật hiện hành. Theo đó, việc giải quyết bồi thường được giải quyết tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại; kết hợp giải quyết yêu cầu bồi thường trong quá trình giải quyết vụ án hành chính. Luật đã mở rộng nguyên tắc giải quyết bồi thường, cho phép người bị thiệt hại có quyền khởi kiện ngay ra tòa án khi có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, thi hành án hình sự và thi hành án dân sự; kết hợp giải quyết yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự tại Tòa án đối với yêu cầu bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, thi hành án hình sự và thi hành án dân sự (khoản 4 Điều 4). Người bị thiệt hại có quyền lựa chọn cơ chế giải quyết bồi thường phù hợp nhưng khi cơ quan giải quyết bồi thường đã thụ lý yêu cầu bồi thường thì người đó không được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết bồi thường. Luật năm 2017 không quy định kết hợp giải quyết bồi thường trong quá trình giải quyết khiếu nại như trước.

**3. Về các hành vi bị nghiêm cấm trong việc giải quyết yêu cầu bồi thường (Điều 16)**

Luật năm 2017 đã sửa đổi, bổ sung quy định về hành vi bị cấm trong việc giải quyết yêu cầu bồi thường: Giả mạo tài liệu, giấy tờ hoặc cung cấp tài liệu, chứng cứ sai sự thật trong hồ sơ yêu cầu bồi thường và trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường; Thông đồng giữa người yêu cầu bồi thường với người giải quyết bồi thường, người có liên quan để trục lợi; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn can thiệp trái pháp luật vào quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả và xem xét, xử lý kỷ luật người thi hành công vụ gây thiệt hại; Không giải quyết yêu cầu bồi thường hoặc không ra quyết định giải quyết bồi thường hoặc giải quyết yêu cầu bồi thường trái pháp luật; Không thực hiện việc xác định trách nhiệm hoàn trả hoặc không xem xét, xử lý kỷ luật người thi hành công vụ gây thiệt hại; Sách nhiễu, cản trở hoạt động giải quyết yêu cầu bồi thường.

**4. Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường (từ Điều 8 đến Điều 12)**

Luật năm 2017 đã bổ sung 05 Điều quy định về các văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường: Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính (Điều 8); Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường trong hoạt động tố tụng hình sự (Điều 9); Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính (Điều 10); Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường trong hoạt động thi hành án hình sự (Điều 11); Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự (Điều 12).

**5. Về phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (Chương II)**

Luật năm 2017 đã bổ sung phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong các lĩnh vực, cụ thể:

***a) Trong hoạt động quản lý hành chính (Điều 17)***

- Bổ sung 02 trường hợp được bồi thường do bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính trái pháp luật: (1) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm (Điểm b khoản 3 Điều 17); (2) Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng (Điểm c khoản 3 Điều 17).

- Bổ sung 01 trường hợp được bồi thường do bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trái pháp luật là “giáo dục tại xã, phường, thị trấn” (điểm a khoản 5 Điều 17).

- Bổ sung các trường hợp được bồi thường do “Không áp dụng hoặc áp dụng không đúng quy định của Luật tố cáo các biện pháp để bảo vệ người tố cáo khi người đó yêu cầu” (khoản 6 Điều 17).

- Bổ sung trường hợp được bồi thường do “Thực hiện hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin về cố ý cung cấp thông tin sai lệch mà không đính chính và không cung cấp lại thông tin” (khoản 7 Điều 17).

- Bổ sung trường hợp được bồi thường do “hoàn thuế trái pháp luật” (khoản 9 Điều 17).

- Bổ sung trường hợp được bồi thường do “Ra quyết định xử lý kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật đối với công chức từ Tổng Cục trưởng và tương đương trở xuống” (khoản 14 Điều 17).

***b) Trong hoạt động tố tụng hình sự (Điều 18)***

- Bổ sung trường hợp “Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp mà không có căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và người đó không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật” (khoản 1 Điều 18).

- Bổ sung trường hợp “Pháp nhân thương mại bị khởi tố, truy tố, xét xử, thi hành án mà sau đó có bản án, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định không có sự việc phạm tội hoặc hành vi của pháp nhân không cấu thành tội phạm hoặc hết thời hạn điều tra vụ án mà không chứng minh được pháp nhân đã thực hiện tội phạm và pháp nhân đó không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật” (khoản 9 Điều 18).

***c) Trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính (Điều 19)***

- Bổ sung trường hợp “Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật hoặc không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà không có lý do chính đáng” (khoản 4 Điều 19).

- Đối với trường hợp ra bản án, quyết định trái pháp luật: Điều 19 của Luật đã bỏ lỗi cố ý và tách thành 02 khoản (khoản 5 và khoản 6) quy định cụ thể hơn trường hợp được bồi thường đối với việc ra bản án, quyết định trái pháp luật:

+ Trường hợp bồi thường do “Ra bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị cơ quan có thẩm quyền kết luận là trái pháp luật mà người ra bản án, quyết định đó bị xử lý kỷ luật, xử lý trách nhiệm hình sự” (khoản 5 Điều 19).

+ Trường hợp được bồi thường do “Thêm, bớt, sửa đổi, đánh tráo, hủy hoặc làm hư hỏng các tài liệu, chứng cứ hoặc bằng các hành vi khác làm sai lệch nội dung vụ án, vụ việc dẫn đến việc ban hành bản án, quyết định trái pháp luật” (khoản 6 Điều 19).

***d) Trong hoạt động thi hành án hình sự (Điều 20)***

Luật năm 2017 đã bổsung 01 trường hợp được bồi thường là: “Không thực hiện quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án đối với người bị kết án phạt tù” (điểm d khoản 3 Điều 20).

***đ) Trong hoạt động thi hành án dân sự (Điều 21)***

Luật năm 2017 đã bỏ lỗi cố ý đối với trường hợp không ra các quyết định về thi hành án và trường hợp không tổ chức thi hành án các quyết định về thi hành án.

**6. Về thiệt hại được bồi thường (Chương III)**

Luật năm 2017 đã sửa đổi, bổ sung toàn diện các quy định về thiệt hại được bồi thường nhằm khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong thời gian qua, qua đó, bảo đảm việc giải quyết bồi thường nhanh chóng, hiệu quả:

- Bổ sung 01 điều về việc xác định thiệt hại (Điều 22), trong đó, quy định những nguyên tắc chung trong việc xác định thiệt hại được bồi thường.

- Bổ sung quy định về thiệt hại do tài sản bị xâm phạm (Điều 23) theo hướng:

+ Bổ sung quy định về căn cứ tính mức lãi suất (đối với thiệt hại là các khoản tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước (khoản 4 Điều 23) và thiệt hại là khoản tiền phạt theo thỏa thuận trong giao dịch dân sự, kinh tế do không thực hiện được các giao dịch dân sự, kinh tế (khoản 5 Điều 23);

+ Bổ sung quy định về thiệt hại được bồi thường là phần thiệt hại do vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết (khoản 6 Điều 23).

 - Quy định cụ thể và lượng hóa một số thiệt hại được bồi thường như thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút (Điều 24); thiệt hại về vật chất do người bị thiệt hại chết (Điều 25); thiệt hại về vật chất do sức khỏe bị xâm phạm (Điều 26).

- Đối với thiệt hại về tinh thần, Luật năm 2017 đã sửa đổi toàn diện các quy định về thiệt hại về tinh thần theo hướng:

+ Bổ sung một số thiệt hại về tinh thần: (1)Trong trường hợp áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (khoản 1 Điều 27) và (2) Trường hợp giữ người trong trường hợp khẩn cấp (điểm a khoản 3 Điều 27) và (3) Trường hợp công chức bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật (khoản 6 Điều 27).

+ Tăng mức bồi thường thiệt hại về tinh thần đối với các trường hợp bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự (khoản 3 Điều 27); trường hợp thiệt hại về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm (khoản 5 Điều 27).

- Bổ sung 01 điều quy định cụ thể các chi phí khác được bồi thường (Điều 28) gồm:Chi phí thuê phòng nghỉ, chi phí đi lại, in ấn tài liệu, gửi đơn thư trong quá trình khiếu nại, tố cáo; chi phí thuê người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại; chi phí đi lại để thăm gặp của thân nhân người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người chấp hành án phạt tù trong tố tụng hình sự.

- Quy định cụ thể, chi tiết quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức bị thiệt hại được Nhà nước khôi phục (Điều 29).

- Sửa đổi quy định về trả lại tài sản (Điều 30) theo hướng dẫn chiếu áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về thi hành án dân sự, pháp luật về tố tụng và pháp luật khác có liên quan.

-Sửa đổi quy định về các thiệt hại Nhà nước không bồi thường (Điều 32) theo hướng quy định một Điều mới, cụ thể là:

+ “Gom” các quy định về các thiệt hạiNhà nước không bồi thường tại nhiều Điều khác nhau của Luật năm2009 (khoản 3 Điều 6,Điều 27) và  tại các văn bản hướng dẫn thi hành (điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BTP-BQP ngày 07/12/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự) vào một Điều;

+ Bổ sung các nội dung liên quan đến quy định Nhà nước không bồi thường đã được quy định trong Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**7. Về cơ quan giải quyết giải quyết bồi thường (Chương IV)**

Luật năm 2017 đã quy định cụ thể hơn về cơ quan giải quyết bồi thường trong các hoạt động quản lý hành chính (Điều 33), tố tụng hình sự (các Điều 34, 35 và 36), tố tụng dân sự, tố tụng hành chính (Điều 37), thi hành án hình sự (Điều 38) và thi hành án dân sự (Điều 39) và xác định cơ quan giải quyết bồi thường trong một số trường hợp cụ thể (Điều 40). Để phù hợp với nguyên tắc bồi thường của Nhà nước, ngoài cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại, Luật năm 2017 đã bổ sung cơ quan giải quyết bồi thường là Tòa án trong trường hợp người yêu cầu bồi thường khởi kiện ngay khi có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường và trong trường hợp kết hợp giải quyết bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính đối với yêu cầu bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, thi hành án hình sự và thi hành án dân sự .

Riêng đối với quy định về cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp *Viện Kiểm sát quyết định trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung* (trong trường hợp vụ án chưa đến giai đoạn Viện kiểm sát hoàn thành cáo trạng để truy tố) mà sau đó bị can được đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án thì tại Điều 34 và Điều 35 đã có quy định để phân rõ trường hợp nào thì thuộc trách nhiệm của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, trường hợp nào thì thuộc trách nhiệm của Viện kiểm sát, cụ thể: (1) Trường hợp Viện Kiểm sát quyết định trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra ra kết luận điều tra bổ sung hoặc kết luận điều tra mới đề nghị truy tố nhưng Viện Kiểm sát ra quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can vì không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm thì trách nhiệm giải quyết bồi thường thuộc Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (khoản 3 Điều 34); (2) Trường hợp Viện kiểm sát đã quyết định trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung nhưng căn cứ kết quả điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can vì không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm hoặc đã hết thời hạn điều tra vụ án mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm thì trách nhiệm giải quyết bồi thường thuộc Viện kiểm sát (khoản 2 Điều 35).

**8. Về thủ tục giải quyết bồi thường (Mục 1, 2 Chương V)**

Luật năm 2017 đã sửa đổi toàn diện các quy định về thủ tục giải quyết bồi thường nhằm đảm bảo việc giải quyết bồi thường được nhanh chóng, hiệu quả, cụ thể như sau:

***a) Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại***

Luật năm 2017 đã sửa đổi, bổ sung và quy định cụ thể trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (Mục 1 Chương V) như sau:

- Sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định chặt chẽ, cụ thể về hồ sơ yêu cầu bồi thường (Điều 41);

- Bổ sung 01 Điều mới (Điều 42) quy định về thủ tục tiếp nhận, xử lý hồ sơ của cơ quan giải quyết bồi thường;

- Quy định việc thụ lý hồ sơ; cử người giải quyết bồi thường (Điều 43);

- Luật đã bổ sung 01 Điều mới (Điều 44) quy định về tạm ứng kinh phí bồi thường, trong đó quy định rõ các thiệt hại mà người yêu cầu bồi thường có quyền đề nghị tạm ứng, trách nhiệm của cơ quan giải quyết bồi thường, cơ quan tài chính có thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện việc tạm ứng và mức tạm ứng (không dưới 50% giá trị các thiệt hại được tạm ứng);

- Quy định cụ thể hơn việc xác minh thiệt hại (Điều 45);

- Luật năm 2017 đã sửa đổi toàn diện quy định về thương lượng việc bồi thường (Điều 46) theo hướng quy định cụ thể về thành phần thương lượng, địa điểm thương lượng, nội dung thương lượng, thủ tục thương lượng và kết quả của việc thương lượng. So với Luật năm 2009, thì Luật năm 2017 quy định cơ quan giải quyết bồi thường chỉ ra quyết định giải quyết bồi thường khi có biên bản kết quả thương lượng thành. Trường hợp thương lượng không thành thì người yêu cầu bồi thường có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường.

 - Luật năm 2017 đã bổ sung các quy định về việc hủy, sửa chữa, bổ sung quyết định giải quyết bồi thường (Điều 48), hoãn, tạm đình chỉ và đình chỉ việc giải quyết bồi thường (Điều 49, 50 và 51) để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan nhà nước.

***b) Thủ tục giải quyết bồi thường tại Tòa án (Điều 52)***

Luật năm 2017 đã sửa đổi toàn diện các quy định về khởi kiện và thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại Tòa án; bổ sung quy định người bị thiệt hại có quyền khởi kiện ngay ra Tòa án yêu cầu bồi thường trong 02 trường hợp sau: (1) Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nhận đượcvăn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường (điểm a khoản 1 Điều 52); (2) Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nhận đượcvăn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, người yêu cầu bồi thường đã yêu cầu cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại giải quyết yêu cầu bồi thường, nhưng sau đó người này rút đơn trước thời điểm cơ quan này tiến hành xác minh thiệt hại (điểm b khoản 1 Điều 52).

***c) Thủ tục giải quyết bồi thường tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính (Điều 55)***

Để phù hợp với nguyên tắc bồi thường, Luật năm 2017 đã bổ sung 01 Điều mới quy định về giải quyết yêu cầu bồi thường trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính tại Tòa án (Điều 55) và giao Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Điều này.

**9. Về phục hồi danh dự (Mục 3 Chương V)**

Luật năm 2017 đã sửa đổi, bổ sung quy định về việc phục hồi danh dự cho người bị thiệt hại theo hướng: (1) Quy định Nhà nước chủ động phục hồi danh dự cho người bị thiệt hại; (2) Bổ sung đối tượng được phục hồi danh dự; (3) Quy định cụ thể hình thức tiến hành phục hồi danh dự, thủ tục, thời hạn thực hiện tổ chức trực tiếp xin lỗi, cải chính công khai và đăng báo xin lỗi, cải chính công khai nhằm khắc phục tình trạng tổ chức xin lỗi, cải chính công khai qua loa, chiếu lệ, không thống nhất; nhanh chóng khắc phục một phần tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại.

**10. Về kinh phí bồi thường và thủ tục chi trả (Chương VI)**

Luật năm 2017 đã quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ Tài chính, Sở Tài chính trong việc lập dự toán, quyết toán kinh phí bồi thường (Điều 53).

Luật năm 2017 quy định việc cấp phát kinh phí bồi thường, chi trả tiền bồi thường theo hướng đơn giản, nhanh gọn. Việc cấp phát kinh phí; chi trả tiền bồi thường chỉ căn cứ vào quyết định giải quyết bồi thường hoặc bản án, quyết định của Tòa án giải quyết yêu cầu bồi thường. Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp phát kinh phí bồi thường khi quyết định giải quyết bồi thường, bản án, quyết định của Tòa án về giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật; ngay sau khi được cấp kinh phí, cơ quan giải quyết bồi thường có trách nhiệm chi trả cho người bị thiệt hại (Điều 62). Sau khi chi trả tiền bồi thường cho người bị thiệt hại, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm gửi giấy tờ, tài liệu có liên quan đến việc chi trả tiền bồi thường cho cơ quan tài chính đã cấp phát kinh phí để quyết toán theo quy định. Kết thúc năm ngân sách, Bộ Tài chính, Sở Tài chính có trách nhiệm quyết toán kinh phí bồi thường theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (Điều 63).

**11. Về trách nhiệm hoàn trả (Chương VII)**

Để việc thực hiện trách nhiệm hoàn trả được thực hiện ngay,Chương VII Luật năm 2017 đã sửa đổi, bổ sung toàn diện các quy định về trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ theo hướng tăng mức hoàn trả, quy định rõ trình tự, thủ tục, trách nhiệm xác định trách nhiệm hoàn trả, thu  tiền hoàn trả trong một số trường hợp đặc biệt, cụ thể là:

- Quy định về nghĩa vụ hoàn trả của người thi hành công vụ (Điều 64); quy định cụ thể, tăng mức hoàn trả với tỷ lệ tương ứng mức độ lỗi và số tiền mà nhà nước đã bồi thường cũng như tách bạch giữa trường hợp một người gây thiệt hại và nhiều người gây thiệt hại (Điều 65). Theo đó: (1) Người thi hành công vụ có lỗi cố ý gây thiệt hại mà có bản án đã có hiệu lực pháp luật tuyên người đó phạm tội thì phải hoàn trả toàn bộ số tiền mà Nhà nước đã bồi thường cho người bị thiệt hại (điểm a khoản 2 Điều 65); (2) Người thi hành công vụ có lỗi cố ý gây thiệt hại nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì mức hoàn trả **từ 30 đến 50 tháng** lương của người đó tại thời điểm có quyết định hoàn trả nhưng tối đa là 50% số tiền mà Nhà nước đã bồi thường (điểm b khoản 2 Điều 65); (3) Người thi hành công vụ có lỗi vô ý gây thiệt hại thì mức hoàn trả từ **03 đến 05** tháng lương của người đó tại thời điểm có quyết định hoàn trả nhưng tối đa là 50% số tiền mà Nhà nước đã bồi thường (điểm c khoản 2 Điều 65);

- Việc xem xét giảm mức hoàn trả (khoản 4 Điều 65) đối với người thi hành công vụ cũng được đặt ra khi người thi hành công vụ đáp ứng những điều kiện nhất định;

- Thẩm quyền, thủ tục xác định trách nhiệm hoàn trả và quyết định hoàn trả cũng được quy định cụ thể (Điều 66 và 67). Theo đó, trên cơ sở kiến nghị của Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả, Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại ban hành quyết định hoàn trả và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định đó (Điều 67);

- Bổ sung quy định về thực hiện việc hoàn trả (Điều 68): Trường hợp người thi hành công vụ phải hoàn trả là người đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi hoặc phụ nữ đang mang thai thì được hoãn việc hoàn trả theo quyết định của Thủ trưởngcơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (khoản 3 Điều 68);

- Bổ sung việc xử lý tiền hoàn trả trong một số trường hợp đặc biệt: Xử lý tiền đã hoàn trả, trách nhiệm hoàn trả trong trường hợp văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường không còn là căn cứ yêu cầu bồi thường (Điều 69); trách nhiệm thu tiền hoàn trả khi người thi hành công vụ gây thiệt hại chuyển sang cơ quan, tổ chức khác (Điều 70); trách nhiệm thu tiền hoàn trả trong trường hợp người thi hành công vụ gây thiệt hại đã nghỉ hưu, nghỉ việc (Điều 71) và trách nhiệm hoàn trả trong trường hợp người thi hành công vụ gây thiệt hại chết (Điều 72).

**12. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong công tác bồi thường nhà nước**

Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước, Luật năm 2017 đã bổ sung Chương VIII về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong công tác bồi thường nhà nước. Theo đó, Chính phủ thống quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án trên phạm vi cả nước (Điều 73). Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước theo quy định của Luật. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án tại địa phương. Luật cũng quy định cụ thể trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Điều 74), các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (Điều 75) theo hướng các cơ quan này có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này./.

***Thanh tra Sở.***